

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HS-ST

Ngày: 30/8/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê TỰ Soái**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Mừng** và ông **Nguyễn Công Hiền**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Mạc Văn Hình**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Bà **Hoàng Thị Trúc Quỳnh**- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Võ Như T**, sinh năm 1984 tại huyện H, thành phố Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn G, xã P, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Như L (đã chết) và bà Đinh Thị T (sinh năm 1954); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/5/2019, bị Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép”; đã chấp hành xong ngày 22/10/2019.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

**2. Trần Thị H**, sinh năm 1977 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: thôn L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 8/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1936); có chồng là Nguyễn S (sinh năm 1975) và có 02 con (con lớn sinh năm 2011; con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

**3. Nguyễn S**, sinh năm 1975 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: thôn L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 3/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn M (đã chết) và bà Ngô Thị M (sinh năm 1932); có vợ là Trần Thị H (sinh năm 1977) và có 02 (con lớn sinh năm 2011; con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.  
(Tất cả các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

\* Bị hại: **Công ty TNHH MTV máy xây dựng M.**

Địa chỉ: thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Do ông Phạm D tham gia tố tụng theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 15/8/2022); vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 05/11/2021, Võ Như T (*nhân viên bảo vệ*) và Trần Thị H (*nhân viên dọn vệ sinh, cùng làm trong Công ty TNHH MTV máy xây dựng M thuộc thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam*) gặp nhau tại công ty rồi bàn bạc trộm cắp tài sản của công ty để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Khoảng 20 giờ cùng ngày, H đi làm về rồi rủ Nguyễn S (*chồng của H, là công nhân của Công ty M*) cùng tham gia, chờ khi nào T gọi điện thì đi. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, T nhắn tin và gọi điện cho H bảo H và S cùng đi đến công ty. Sau đó, S điều khiển xe mô tô BKS 92F6-3873 (do Trần Thị H đứng tên chủ sở hữu) gắn đôi giỏ nhựa màu xanh chở H ngồi sau. Khi đến đoạn đường Quốc lộ 14B cách công ty M khoảng 100 mét, S dừng xe để H đứng ngoài canh giữ, còn S đi bộ đến bờ rào của công ty M để gặp T đứng chờ sẵn bên trong. Tại đây, T vác 16 tấm kim loại nhôm, kích thước (1,2 x 0,6) mét đưa ra ngoài để S đem đến địa điểm tập kết rồi chở đi tiêu thụ. Trong lúc S chở các tấm kim loại đi tiêu thụ thì bị Công an xã N tuần tra phát hiện, lập biên bản sự việc.

Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 10/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 16 tấm kim loại nhôm kích thước (1,2 x 0,6) mét, trọng lượng mỗi tấm 13,8 kg; có giá trị là 8.832.000 đồng.

\* Vật chứng tạm giữ:

- 16 tấm kim loại nhôm, màu xám, kích thước (1,2 x 0,6) mét, đã qua sử dụng.
- 01 xe mô tô BKS 92F6-3873, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn đỏ - đen do Trần Thị Hồng làm chủ sở hữu; trên xe có gắn 01 đôi giỏ nhựa, màu xanh.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus, màu hồng phấn, có ốp lưng màu đỏ, bên trong không có gắn sim của Võ Như T.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30, màu xanh nước biển, có ốp lưng màu trắng đục, bên trong có gắn sim số 0986.561.831 của Trần Thị H.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSĐL ngày 28/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Võ Như T, Trần Thị H và Nguyễn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đối với bị cáo Võ Như T: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Đối với các bị cáo Trần Thị H và Nguyễn S: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt các bị cáo cùng mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo,

thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội Đồng xét xử xử lý đối với những vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội sau:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô BKS 92F6-3873, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn đỏ- đen (thuộc chủ sở hữu bị cáo Trần Thị H); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus, màu hồng phấn, có ốp lưng màu đỏ bên trong không có gắn sim số của bị cáo Võ Như T và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30, màu xanh nước biển, có ốp lưng màu trắng đục, bên trong có gắn sim số 0986.561.831 của bị cáo Trần Thị H.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 đôi giỏ nhựa, màu xanh.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện bị hại theo ủy quyền khai nhận phù hợp với lời khai của các bị cáo và sự việc như đã cung cấp trong giai đoạn điều tra.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với đại diện theo ủy quyền của bị hại Công ty TNHH MTV máy xây dựng M nhưng vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), việc vắng mặt của người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng này.

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

#### **[2] Về nội dung:**

{2.1} Về hành vi, căn cứ buộc tội các bị cáo: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Võ Như T, Trần Thị H và Nguyễn S tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, biên bản sự việc, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của đại diện bị hại theo ủy quyền cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Chiều ngày 05/11/2021, bị cáo Võ Như T và bị cáo Trần Thị H cùng làm chung Công ty TNHH MTV máy xây dựng M thuộc thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam gặp nhau và bàn bạc cùng nhau trộm cắp tài sản của công ty để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Sau đó, bị cáo H rủ bị cáo Nguyễn S (chồng

của bị cáo H) cùng tham gia. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi bị cáo T nhắn tin và gọi điện cho bị cáo H thì bị cáo S điều khiển xe mô tô BKS 92F6-3873 (do bị cáo H làm chủ sở hữu) chở bị cáo H đến Công ty Matec rồi cùng bị cáo T lên lút thực hiện hành vi trộm cắp 16 tấm kim loại nhôm giá trị là 8.832.000 đồng.

Hành vi mà các bị cáo Võ Như T, Trần Thị H, Nguyễn S gặp nhau và bàn bạc cùng lên lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung “*Có tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

{2.2} Xét hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra thì thấy: Tài sản hợp pháp của công dân, tổ chức được pháp luật bảo hộ; đồng thời xử phạt nghiêm minh những ai có hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu tài sản đó. Các bị cáo T, H và S cùng là nhân viên của Công ty M, lợi dụng công ty sắp giải thể, các bị cáo gặp nhau và bàn bạc thực hiện hành vi trộm cắp 16 tấm kim loại nhôm là tài sản của công ty để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Hành vi mà các bị cáo gây ra là hết sức nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu của công ty được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ra nhiều tác hại xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

{2.3} Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- **Bị cáo Võ Như T:** Trong vụ án này bị cáo T là người giữ vai trò chủ mưu, lợi dụng là nhân viên bảo vệ Công ty M nên bị cáo đã khởi xướng rủ rê và chủ động dùng điện thoại nhắn tin cho bị cáo H bảo bị cáo H và bị cáo Nguyễn S đến Công ty M cùng bị cáo để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo trực tiếp lấy tài sản đưa ra ngoài để bị cáo S đem đến địa điểm tập kết rồi chở đi tiêu thụ. Bị cáo T là người có nhân thân xấu, vào ngày 26/5/2019 bị Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép. Vì vậy, theo quy định pháp luật cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh nhằm đề răn đe và ngăn ngừa tội phạm.

Tuy nhiên xét thấy, khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, phạm tội gây thiệt hại không lớn, đã thành khẩn khai báo nhận tội, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho bị hại Công ty M; nội dung đơn xin xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của bị hại Công ty M xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*bổ sung, sửa đổi năm 2017*) để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

- **Các bị cáo Trần Thị H và Nguyễn S:** Các bị cáo H và S có mối quan hệ là vợ chồng và cùng làm Công ty M với bị cáo T. Khi nghe bị cáo T rủ rê, nhắn tin và gọi điện thoại cho bị cáo H thì bị cáo S điều khiển xe mô tô chở bị cáo H đến công ty để cùng bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Sau khi dừng xe thì bị cáo H đứng

ngoài canh giữ, bị cáo S đi bộ đến bờ rào Công ty M để gặp bị cáo T đưa tài sản trộm cắp ra ngoài, bị cáo S đem đến địa điểm tập kết rồi chở đi tiêu thụ. Hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên xét thấy, khi phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, phạm tội gây thiệt hại không lớn, đã thành khẩn khai báo nhận tội, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho bị hại Công ty M; nội dung đơn xin xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của bị hại Công ty M xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương đang trực tiếp nuôi mẹ già và 02 con nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét thấy, các bị cáo thực hiện việc phạm tội chỉ là vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

{2.4} Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty TNHH MTV máy xây dựng M đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không xét.

{2.5} Về xử lý vật chứng: Tang vật của vụ án là 01 chiếc xe mô tô BKS 92F6-3873, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn đỏ- đen (thuộc sở hữu của bị cáo Trần Thị H); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus, màu hồng phấn, có ốp lưng màu đỏ, bên trong không có gắn sim số của bị cáo Võ Như T và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30, màu xanh nước biển, có ốp lưng màu trắng đục, bên trong có gắn sim số 0986.561.831 của bị cáo Trần Thị H mà các bị cáo sử dụng để làm công cụ, phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với tang vật của vụ án là 01 đôi giỏ nhựa, màu xanh dùng để gây án không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét thấy cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là phù hợp.

{2.7} Về án phí: Các bị cáo Võ Như T, Trần Thị H và Nguyễn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố các bị cáo Võ Như T, Trần Thị H và Nguyễn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.**

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) cho ba bị cáo Võ Như T, Trần Thị H và Nguyễn S. Bị cáo Võ Như T áp dụng thêm Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Hai bị cáo Trần Thị H và Nguyễn S áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

- Xử phạt bị cáo Võ Như T **15 (Mười lăm)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị H **12 (Mười hai)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **24 (Hai mươi bốn)** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/8/2022).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn S **12 (Mười hai)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **24 (Hai mươi bốn)** tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/8/2022).

Giao các bị cáo Trần Thị H và Nguyễn S cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách án treo, nếu các bị cáo Trần Thị H và Nguyễn S cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù đã cho hưởng án.

**2.** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (*Một*) chiếc xe mô tô BKS 92F6-3873, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn đỏ- đen (thuộc sở hữu của bị cáo Trần Thị H); 01 (*Một*) điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus, màu hồng phấn, có ốp lưng màu đỏ, bên trong không có gắn sim số (thuộc sở hữu của bị cáo Võ Như T) và 01 (*Một*) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30, màu xanh nước biển, có ốp lưng màu trắng đục, bên trong có sim số 0986.561.831 (thuộc sở hữu của bị cáo Trần Thị H).

- Tịch thu tiêu hủy 01 (*Một*) đôi giỏ nhựa, màu xanh.

(*Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 10/8/2022*).

**3.** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Võ Như T, Trần Thị H và Nguyễn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các cơ quan tiến tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lê Tự Soái**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN  
PHIÊN TÒA**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA**





